TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA HƯNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2024/HS-ST
Ngày: 25 – 9 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Chủng.
Các hội thẩm nhân dân:

1 Ông Lê Đức Chạc
2 bà Dương Thị Vui

***Thư ký phiên toà*:** Ông Phạm Công Trình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Tình – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh am Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024 đối với:

1. **Đỗ Văn D** - Sinh năm 1980, tại Nam Định.

Nơi cư trú: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn M, sinh năm 1958 (Đã chết) và bà Phạm Thị T, sinh năm 1959, hiện đang ở N, N, Nam Định; Vợ: Hà Thị H, sinh năm 1982, hiện đang lao động tự do tại xã N, N, Nam Định. Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không.

Đỗ Văn D bị giam, giữ từ ngày 14/6/2024 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N.

2. **Trần Văn D1** - Sinh năm 1979, tại Nam Định.

Nơi cư trú: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn H1, sinh năm 1952. Con bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1954, cả hai hiện đang ở N, N, Nam Định; Vợ: Phạm Thị B, sinh năm 1980,

hiện đang lao động tự do tại xã N, N, Nam Định. Con: 02 con, con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không.

Trần Văn D1 bị tạm giữ từ ngày 14/6/2024 đến ngày 19/6/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

3. **Nguyễn Văn T2** - Sinh năm 1998, tại Nam Định.

Nơi cư trú: Tổ dân phố I, thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định. Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1973 và bà Phạm Thị T4, sinh năm 1976, cả hai hiện đang ở thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định. Vợ: Phạm Thị Phương A, sinh năm 2005, hiện đang ở tại thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định. có Con: 01 con sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Không.

Nguyễn Văn T2 bị tạm giữ từ ngày 14/6/2024 đến ngày 19/6/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

4. **Nguyễn Văn B1** - Sinh năm 1993, tại Nam Định.

Nơi cư trú: Xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nghề nghiệp: làm ruộng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B2, sinh năm 1965, con bà Phạm Thị D2, sinh năm 1969, cả hai hiện đang ở xã N, N, Nam Định; Vợ: Đào Thị X, sinh năm 2000, hiện đang làm công nhân tại thị trấn R, N, Nam Định. Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không.

Nguyễn Văn B1 bị tạm giữ từ ngày 14/6/2024 đến ngày 19/6/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

5. **Trần Văn B3** - Sinh năm 1995, tại Nam Định.

Nơi cư trú: Xóm N, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn D3, sinh năm 1968, con bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1971, cả hai hiện đang ở xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Vợ, con: Chưa. Tiền án, tiền sự: Không.

Trần Văn B3 bị tạm giữ từ ngày 14/6/2024 đến ngày 19/6/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

6. **Vũ Văn C1** - Sinh năm 1981, tại Nam Định.

Nơi cư trú: Xóm L, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vũ Văn N, sinh năm 1938 (đã chết), con bà Phạm Thị T6, sinh năm 1940, hiện đang ở xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Vợ: Nguyễn Thị N1, sinh năm 1983, hiện đang lao động tự do tại xã N, N, Nam Định, con: có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự: Không.

Vũ Văn C1 bị tạm giữ từ ngày 14/6/2024 đến ngày 19/6/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

7. **Trần Trọng N2** - Sinh năm 1984, tại Nam Định.

Nơi cư trú: Xóm B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Công H2, sinh năm 1957 (đã chết), con bà Vũ Thị N3, sinh năm 1958, hiện đang ở xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Vợ: Phạm Thị H3, sinh năm 1983, hiện đang lao động tự do tại xã N, N, Nam Định, con: có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không.

Trần Trọng N2 bị tạm giữ từ ngày 14/6/2024 đến ngày 19/6/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

8. **Nguyễn Văn T7** - Sinh năm 1984, tại Nam Định.

Nơi cư trú: Xóm L, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T8, sinh năm 1944, con bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1947, cả hai hiện đang ở xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Vợ: Đỗ Thị T9, sinh năm 1985, hiện đang lao động tự do tại xã N, N, Nam Định, con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2006, con nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không.

Nguyễn Văn T7 bị tạm giữ từ ngày 14/6/2024 đến ngày 19/6/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn C đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Người làm chứng: Anh Trần Văn Đ1, sinh năm 1993

Người chứng kiến: Ông Trần Đức T10, sinh năm 1952

Tại phiên tòa có mặt các bị cáo; vắng mặt người làm chứng và người chứng kiến.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 13/6/2024, Vũ Văn C1 và Nguyễn Văn T7 đến nhà Đỗ Văn D chơi. Lúc này D đi mua bia để về cùng uống, trên đường đi D nảy sinh ý định chơi đánh bài nên mua 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân về và rủ C1, T7 chơi đánh L thắng thua bằng tiền. C1 và T7 đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày, cả ba ngồi xuống chiếu trải sẵn trong phòng khách nhà D để bắt đầu chơi đánh L. Luật chơi như sau: Mỗi người chơi góp 20.000 đồng vào giữa gọi là góp gà. Sau đó chia cho mỗi người ba quân bài, số bài còn lại bỏ vào giữa. Người chia bài là người thắng ván trước được quyền đánh (tố) trước, rồi lần lượt theo vòng từ phải qua trái; những người chơi kế tiếp có thể tố bằng hoặc cao hơn hoặc úp bài không tham gia, đến khi không ai tố thêm thì hạ bài tính thắng thua. Bài cao nhất là "Sáp" 3 quân bài giống nhau: AAA, KKK…222; tiếp theo là "Liêng" 3 quân bài tiến đều nhau có thể cùng chất hoặc khác chất: QKA, JQK…A23; tiếp đến là "Ảnh" 3 quân bài đều là hình người, không phải Liêng hoặc Sáp: KKQ, KQQ…JJQ và sau cùng là tính điểm, 9 điểm là

cao nhất, thấp nhất là 0 điểm (quân hình và quân 10 tính 0 điểm). Khi chơi mỗi người được tố thấp nhất là 20.000 đồng, cao nhất là 200.000 đồng và tối đa 3 vòng tố. Nếu nhiều bài có Liêng, Ảnh hoặc Đ2 giống nhau thì tính theo chất R, C2, N4, B4. Người thắng sẽ được hết số tiền góp gà và số tiền đã tố. Sau đó lần lượt có Trần Trọng N2, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn B1, Trần Văn B3 và Trần Văn D1 đến nhà D thấy mọi người đang đánh liêng ăn tiền nên cũng tham gia chơi, đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì tổ công tác Công an huyện N phát hiện vào bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 11.850.000 đồng, 01 bộ tú lơ khơ 52 quân; thu giữ trong người Đỗ Văn D số tiền 2.600.000 đồng, Trần Văn B3 110.000 đồng, Nguyễn Văn B1 3.100.000 đồng, Trần Văn D1 6.700.000 đồng, Nguyễn Văn T2 5.500.000 đồng là tiền sử dụng để đánh bạc. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh liêng ăn tiền là 29.860.000 đồng. Trong đó: Đỗ Văn D 3.600.000 đồng, Trần Văn D1: 7.600.000 đồng, Nguyễn Văn T2 6.280.000 đồng, Nguyễn Văn B1 3.550.000 đồng, Trần Văn B3 3.050.000 đồng, Vũ Văn C1 2.100.000 đồng, Trần Trọng N2 2.080.000 đồng, Nguyễn Văn T7 1.600.000 đồng.

Bản cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 19/08/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã truy tố các bị cáo về tội: "Đánh bạc" quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng giữ nguyên quan điểm truy tố theo như tội danh và điều luật đã nêu. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo đã đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, riêng bị cáo Trần Văn D1 và Nguyễn Văn T7 áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt Đỗ Văn D từ 09 tháng đến 12 tháng tù,

+ Trần Văn D1 từ 08 tháng đến 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 22 tháng,

+ Nguyễn Văn T2 từ 08 tháng đến 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 22 tháng,

+ Nguyễn Văn B1 từ 08 tháng đến 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 22 tháng,

+ Trần Văn B3 từ 08 tháng đến 11 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 16 tháng đến 22 tháng,

+ Vũ Văn C1 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được đối trừ những ngày tạm giữ,

+ Trần Trọng N2 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được đối trừ những ngày tạm giữ.

+ Nguyễn Văn T7 từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo được đối trừ những ngày tạm giữ,

Đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo; đề nghị miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Vũ Văn C1, Trần Trọng N2, Nguyễn Văn T7; đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng; đề nghị áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 6, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội để buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại phiên toà hôm nay qua xét hỏi và tranh luận các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng đã nêu.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai người chứng kiến và các tài liệu đã được xác lập có trong hồ sơ vụ án cũng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng đã truy tố các bị cáo ra trước phiên toà hôm nay. Như vậy đã đủ cơ sở xác định: Khoảng 22 giờ ngày 13/6/2024, tại phòng khách nhà Đỗ Văn D ở xóm B, N, Đỗ Văn D chuẩn bị bài và rủ Vũ Văn C1 và Nguyễn Văn T7 chơi đánh bạc bằng hình thức đánh Liêng ăn tiền. Sau đó lần lượt Trần Trọng N2, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn B1, Trần Văn B3 và Trần Văn D1 đến tham gia chơi cùng. Đến khoảng 23 giờ cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện N bắt quả tang. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 29.860.000 đồng. Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng truy tố các bị cáo ra trước Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng để xét xử các bị cáo với tội danh và Điều luật như đã viện dẫn là có căn cứ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tới trật tự trị an, an toàn xã hội, nhà nước nghiêm cấm mọi hoạt động đánhbạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào nhằm được thu bằng tiền. Các bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, các bị cáo nhận thức được hành vi của

mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Vì vậy việc đưa các bị cáo ra xét xử công khai, lên án xử lý nghiêm minh là cần thiết nhằm góp phần vào việc đấu tranh phòng chống tội phạm, giữ gìn kỷ cương tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

[3] Xét vị trí, vai trò, tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo trong vụ án thì thấy: Bị cáo Đỗ Văn D là người khởi xướng việc đánh bạc được thua bằng tiền, chuẩn bị bộ bài tú lơ khơ và sử dụng số tiền 3.600.000 đồng để đánh bạc nên bị cáo Đỗ Văn D xếp ở vai trò số 01 trong vụ án. Các bị cáo Trần Văn D1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn B1, Trần Văn B3, Vũ Văn C1, Trần Trọng N2, Nguyễn Văn T7 là người tham gia đánh bạc với vai trò đồng phạm.

[4] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy: Về nhân thân, các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại giai đoạn điều tra, truy tố cũng như tại phiên toà các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo Trần Văn D1 có bố đẻ được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhất, Huy chương chiến sĩ giải phóng, bị cáo Nguyễn Văn T7 có bố đẻ được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng Nhì, Huân chương chiến sĩ giải phóng nên các bị cáo Trần Văn D1 và Nguyễn Văn T7 được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly đối với bị cáo Đỗ Văn D để tập trung giáo dục, cải tạo bị cáo một thời gian nhất định mới có thể cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đối với các bị cáo Trần Văn D1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn B1, Trần Văn B3 không cần cách ly mà để cải tạo tại địa phương mà để các bị cáo cải tạo tại địa phương cũng có thể cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đối với Vũ Văn C1, Trần Trọng N2, Nguyễn Văn T7 thấy áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên toà cho thấy các bị cáo đều có hoàn cảnh điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Đối với các bị cáo Vũ Văn C1, Trần Trọng N2, Nguyễn Văn T7 điều kiện kinh tế khó khăn, nên miễn khấu trừ thu nhập.

[6] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với số tiền số tiền 29.860.000 đồng các bị cáo sử dụng để đánh bạc, cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân các bị cáo sử dụng để đánh bạc cần tịch thu tiêu huỷ.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 6; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự; đối với các bị cáo Trần Văn D1, Nguyễn Văn T7 áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đối với các bị cáo Trần Văn D1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn B1, Trần Văn B3 áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự; đối với các bị cáo Vũ Văn C1, Trần Trọng N2, Nguyễn Văn T7 áp dụng thêm Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ các Điều 106, 135, 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Căn cứ các Điều 6, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1] Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn D, Trần Văn D1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn B1, Trần Văn B3, Vũ Văn C1, Trần Trọng N2, Nguyễn Văn T7 phạm tội "Đánh bạc".

[2] - Xử phạt bị cáo Đỗ Văn D 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 14/6/2024.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn D1 08 (tám) tháng tù nhưng cho nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/9/2024. Bị cáo đã bị tạm giữ 06 ngày (từ 14/6/2024 đến 19/6/2024).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T2 08 (tám) tháng tù nhưng cho nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/9/2024. Bị cáo đã bị tạm giữ 06 ngày (từ 14/6/2024 đến 19/6/2024).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B1 08 (tám) tháng tù nhưng cho nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/9/2024. Bị cáo đã bị tạm giữ 06 ngày (từ 14/6/2024 đến 19/6/2024).

- Xử phạt bị cáo Trần Văn B3 08 (tám) tháng tù nhưng cho nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/9/2024. Bị cáo đã bị tạm giữ 06 ngày (từ 14/6/2024 đến 19/6/2024).

- Xử phạt bị cáo Vũ Văn C1 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo đã bị tạm giữ 06 ngày (từ 14/6/2024 đến 19/6/2024) được đối trừ, còn phải

chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn được tính từ ngày cơ quan thi hành án Hình sự công an huyện N nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo C1.

- Xử phạt bị cáo Trần Trọng N2 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo đã bị tạm giữ 06 ngày (từ 14/6/2024 đến 19/6/2024) được đối trừ, còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn được tính từ ngày cơ quan thi hành án Hình sự công an huyện N nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo N2.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T7 12 (mười hai) tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo đã bị tạm giữ 06 ngày (từ 14/6/2024 đến 19/6/2024) được đối trừ, còn phải chấp hành 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày cải tạo không giam giữ, thời hạn được tính từ ngày cơ quan thi hành án Hình sự công an huyện N nhận được quyết định thi hành án. Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo T7.

Giao các bị cáo Trần Văn D1, Vũ Văn C1, Trần Trọng N2, Nguyễn Văn T7 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục; giao các bị cáo Nguyễn Văn B1, Trần Văn B3 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục; giao bị cáo Nguyễn Văn T2 cho Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện N, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục. Trong trường hợp các bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự. Trường hợp các bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người bị phạt cải tạo vi phạm nghĩa vụ thì bị xử lý theo quy định tại Điều 105 của Luật Thi hành án Hình sự.

[3] Về vật chứng của vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 29.860.000 đồng (Đã nộp vào tài khoản tạm gửi tại kho bạc Nhà nước huyện N) là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc.

Toàn bộ vật chứng của vụ án đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng.

[4] Về án phí: Buộc các bị cáo Đỗ Văn D, Trần Văn D1, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn B1, Trần Văn B3, Vũ Văn C1, Trần Trọng N2, Nguyễn Văn T7 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án và người được thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Nghĩa Hưng;
- UBND xã N, xã N, thị trấn R;
- Cơ quan Thi hành án;
- Thi hành án hình sự
- Án văn, lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Phạm Văn Chủng